

Bản án số: 91/2023/HNGĐ-ST

Ngày 05 – 5 – 2023

Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Bảy

2. Ông Hồ Minh Chí

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **80/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023** về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Tôn Thị Thanh Th, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Số 9A, đường Trương Phùng Xuân, khóm S, phường T, thành phố C, tỉnh C.

- **Bị đơn:** Ông Thạch Long T, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 9A, đường Trương Phùng Xuân, khóm S, phường T, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, bà Tôn Thị Thanh Th trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Thạch Long T chung sống vợ chồng từ năm 2008, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống lúc đầu vợ chồng sống hòa hợp nhưng gần đây xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cách sống, hay cãi vã, dẫn đến xung đột tình cảm vợ chồng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu ly hôn với ông Thạch Long T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Thạch Tường Vy, sinh ngày 15/10/2014 và Thạch Tuấn Vỹ, sinh ngày 04/6/2010. Khi ly hôn bà Th yêu cầu được nuôi 02 con, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000đ/01 con chung/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa bà Th thay đổi yêu cầu là không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai.

Đối với bị đơn ông Thạch Long T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập ông T đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng ông T vắng mặt không rõ lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông T đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tôn Thị Thanh Th và ông Thạch Long T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa bà Th cương quyết xin được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy do ông bà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Th xác định quá trình chung sống ông bà có 02 người con chung tên Thạch Tường Vy, sinh ngày 15/10/2014 và Thạch Tuấn Vỹ, sinh ngày 04/6/2010. Khi ly hôn bà Th yêu cầu được tiếp tục nuôi cả 02 con, không đặt ra việc ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy mặc dù quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông T không được pháp luật công nhận, nhưng ông bà vẫn có quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc bà Th yêu cầu được nuôi cả 02 con chung phù hợp với nguyện vọng của cháu Vy và cháu Vỹ tại Biên bản về việc ghi nhận ý kiến con chung khi cha mẹ ly hôn do Tòa án lập ngày 17/3/2023.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tại đơn khởi kiện bà Th yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mức 1.500.000đồng/con/tháng nhưng tại phiên tòa bà Th xác định không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu không vượt quá phạm vi khởi kiện và là sự tự nguyện của bà Th.

Đối với ông T từ khi thụ lý đến khi xét xử không gửi văn bản ý kiến gì về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, xét thấy yêu cầu nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng của bà Th là có cơ sở nên được chấp nhận.

Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Bà Th xác định không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Th xác định không có nợ chung nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 14, 15, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Tôn Thị Thanh Th và ông Thạch Long T là vợ chồng.

- Về con chung: Giao 02 người con chung tên Thạch Tường Vy, sinh ngày 15/10/2014 và Thạch Tuấn Vỹ, sinh ngày 04/6/2010 cho bà Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra việc ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Bà Tôn Thị Thanh Th phải chịu 300.000đ. Ngày 15 tháng 02 năm 2023, bà Th đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0002837 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ chuyển thu ngân sách nhà nước.

Bà Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND phường 8, Tp.Cà Mau ;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Hồng Xuyên